

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NHÀ ĐIỀU HÀNH NỀN TẢNG SỐ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO TƯ PHÁP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Nguyễn Thu Thủy*
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số vấn đề còn vướng mắc trong các quy định của Tư pháp quốc tế Việt Nam hiện hành để giải quyết các vụ việc liên quan đến trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số đối với những thiệt hại do bị xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng đó; đồng thời, đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

Abstract: The article analyzes several remaining problems in the current provisions of Vietnamese private international law to resolve cases related to the civil liability of digital platform operators for damages due to infringement of honor, reputation, dignity, and intellectual property rights on those platforms. It then makes proposals for legal improvement.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử phát triển, nền công nghiệp toàn cầu đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp¹ và đang trong quá trình của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư². Theo ông Klaus Schwab, Chủ tịch Diễn

đàn kinh tế thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư về bản chất là sự kết hợp các công nghệ vật lý, kỹ thuật số và sinh học, từ đó tạo ra những khả năng hoàn toàn mới và có tác động đáng kể đến đời sống chính trị, kinh tế và xã hội³. Những thành tựu đột phá của khoa học công nghệ như Internet vạn vật (Internet of Things), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), dữ liệu lớn (Big data), công nghệ phần mềm... đã làm cho thế giới của chúng ta “phẳng hơn”⁴, tạo điều kiện cho các chủ thể ở mọi nơi trên thế giới có thể kết nối và tương tác với nhau. Điều này cũng dẫn đến sự chuyển dịch từ

* TS., Bộ môn Tư pháp quốc tế, Khoa Pháp luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội.

** Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Bae, Kim & Lee Việt Nam.

¹ Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên (1760-1840) bắt đầu bằng việc xây dựng các tuyến đường sắt và phát minh ra động cơ hơi nước, đánh dấu sự khởi đầu của kỷ nguyên sản xuất cơ khí. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX) được thúc đẩy bởi sự ra đời của điện năng và dây chuyền lắp ráp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba bắt đầu vào những năm 1960 với sự phát triển của máy tính, chất bán dẫn và Internet. Xem thêm: Klaus Schwab, *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Bộ Ngoại giao dịch, hiệu đính, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018, tr.4.

² UNCTAD (2021), *Catching technological waves – Innovation with equity*, Technology and innovation report 2021, https://unctad.org/system/files/official-document/tir2020_en.pdf, truy cập ngày 7/10/2022.

³ Diễn đàn kinh tế thế giới lần thứ 46 tổ chức tại Davos-Klosters, Thụy Sĩ. Xem thêm: <https://www.weforum.org/press/2016/01/46th-annual-meeting-of-the-world-economic-forum-to-focus-on-fourth-industrial-revolution/>, truy cập ngày 7/10/2022.

⁴ Bùi Thị Huyền, Nguyễn Hữu Quảng, *Thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề 3, tr.22-26.

mô hình kinh tế truyền thống dựa trên chuỗi cung cấp tuyến tính (pipelines) sang mô hình kinh tế nền tảng (platform economy) với những ví dụ như Facebook, Grab, Be, Airbnb...⁵ Trong mô hình kinh tế nền tảng, nền tảng số đóng vai trò kết nối người cung cấp và người sử dụng hàng hoá, dịch vụ⁶. Theo nhóm nghiên cứu về dịch vụ điện tử của Liên minh châu Âu, nền tảng số có thể được hiểu là “một hệ thống xã hội thông tin (information society service) có thể được tiếp cận thông qua mạng Internet hoặc các phương thức điện tử khác cho phép người sử dụng giao kết hợp đồng với nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc nội dung số”⁷. Theo Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), “nền tảng số là các hoạt động dựa trên công nghệ nhằm hỗ trợ sự tương tác và trao đổi giữa các nhóm chủ thể khác nhau, được xây dựng trên cơ sở một nền tảng chia sẻ và tương tác dữ liệu”⁸. Các nền tảng số chủ

yếu được xây dựng, hoạt động và kiểm soát bởi các doanh nghiệp (còn có thể được gọi là nhà điều hành nền tảng số hay công ty công nghệ)⁹, đặc biệt là các doanh nghiệp của Mỹ, Vương quốc Anh và một số nước châu Âu¹⁰.

Tại Việt Nam, với số lượng gần 61 triệu người sử dụng Internet, mô hình kinh tế nền tảng đã và đang có đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam¹¹. Theo Báo cáo nghiên cứu về nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019 của Google, Temasek Holdings, Bain&Co, kinh tế nền tảng tại Việt Nam có trị giá gần 12 tỷ USD năm 2019¹². Cùng với đó, do tính chất “phẳng” của môi trường số, các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền sở hữu trí tuệ diễn ra ngày càng dễ dàng, phổ biến và vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ của quốc gia. Ví dụ, nội dung do một cá nhân đăng tải trên một nền tảng mạng xã hội có thể xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của một cá nhân khác hoặc một sản phẩm được bán trên một trang web bán hàng trực tuyến có thể xâm phạm nhãn hiệu hàng hoá của một doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, chủ thể có quyền có thể gặp không ít khó khăn trong việc định danh hoặc xác định nơi cư trú của người có hành vi xâm phạm, đặc biệt khi người thực hiện hành vi xâm phạm cư trú ở một quốc gia khác với quốc gia mà

⁵ Chu Thị Hoa, *Kinh tế chia sẻ và quyền tự do kinh doanh*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 03+04, 2021; Đỗ Giang Nam, *Trách nhiệm dân sự của nền tảng số theo Luật Mẫu của Viện Luật châu Âu và những khuyến nghị cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 19, 2021, tr. 42-43; I. Pretelli, *Improving Social Cohesion through Connecting Factors in the Conflict of Laws of the Platform Economy* trong I. Pretelli ed., *Conflict of Laws in the Maze of Digital Platforms* (Schulthess, 2018), tr. 18.

⁶ Đỗ Giang Nam, *Trách nhiệm dân sự của nền tảng số theo Luật Mẫu của Viện Luật châu Âu và những khuyến nghị cho Việt Nam*, t.đđ; Bram Devolder (ed.), *The Platform Economy*, Intersentia, 2019.

⁷ Research Group on the Law of Digital Services, *Discussion Draft of a Directive on Online Intermediary Platforms*, Journal of European Consumer and Market Law, Vol.5 (2016), tr. 164.

⁸ United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), *Trade and development Report - Power, Platforms and the free trade delusion*, 2018, tr.78; https://unctad.org/system/files/official-document/tdr2018_en.pdf, truy cập ngày 7/10/2022.

⁹ United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), *t.đđ*, tr.78.

¹⁰ United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), *t.đđ*, tr.78.

¹¹ https://www.blog.google/documents/47/SEA_Internet_Economy_Report_2019.pdf/, truy cập ngày 7/10/2022.

¹² https://www.blog.google/documents/47/SEA_Internet_Economy_Report_2019.pdf/, truy cập ngày 7/10/2022; Chu Thị Hoa, *Kinh tế chia sẻ và quyền tự do kinh doanh*, t.đđ.

chủ thể có quyền cư trú¹³. Trong bối cảnh đó, chủ thể có quyền có thể khởi kiện nhà điều hành nền tảng số với tư cách là nhà trung gian để yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại mà các chủ thể này gánh chịu do các hành vi xảy ra trên nền tảng số đó hoặc yêu cầu nhà điều hành nền tảng số thực hiện các biện pháp để xử lý và ngăn chặn các hành vi xâm phạm các quyền nhân thân, tài sản¹⁴. Với các vụ việc có tính chất xuyên quốc gia, các vấn đề về thẩm quyền của Toà án quốc gia và xác định luật áp dụng để giải quyết vụ việc đã được đặt ra đối với Tư pháp quốc tế các nước, trong đó có Việt Nam.

2. Thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế đối với các vụ việc liên quan đến trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số

Trong trường hợp chủ thể bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm hoặc quyền sở hữu trí tuệ, thì có thể khởi kiện nhà điều hành nền tảng số để yêu cầu xoá bỏ các nội dung được đăng tải trên nền tảng được coi là xâm phạm các quyền của mình hay yêu cầu nhà điều hành nền tảng số bồi thường thiệt hại với tư cách là một trong những người cùng gây thiệt hại. Đối với trường hợp một trong các bên là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc hành vi được thực hiện ở nước

ngoài¹⁵, Toà án Việt Nam sẽ cần xem xét liệu mình có thẩm quyền để giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đó hay không. Nhìn chung, các vụ việc liên quan đến nền tảng số thường là các vụ việc xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật Việt Nam không có quy định riêng biệt về thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế của Toà án Việt Nam đối với nhóm vụ việc này. Do đó, các quy định về xác định thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế của Toà án Việt Nam sẽ được áp dụng. Theo khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015, Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong các trường hợp sau:

- Bị đơn là cá nhân cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam;

- Bị đơn là cơ quan, tổ chức có trụ sở tại Việt Nam hoặc bị đơn là cơ quan, tổ chức có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với các vụ việc liên quan đến hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức đó tại Việt Nam;

- Bị đơn có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam;

- Vụ việc về quan hệ dân sự mà việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở Việt Nam, đối tượng của quan hệ đó là tài sản trên lãnh thổ Việt Nam hoặc công việc được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam;

- Vụ việc về quan hệ dân sự mà việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ

¹³ P.A. De Miguel Asensio, *Internet Intermediaries and the Law applicable to Intellectual Property Infringements*, Journal of Intellectual Property, Information Technology and Electronic Commerce Law, Vol.3, No.3 (2012), tr. 350-351.

¹⁴ Nguyễn Phương Thảo, *Bảo vệ quyền tác giả trong hoạt động phát trực tuyến (streaming) - trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian*, Tạp chí Toà án nhân dân, <https://tapchitoaan.vn/bao-ve-quyen-tac-gia-trong-hoat-dong-phat-truc-tuyen-streaming-trach-nhiem-cua-doanh-nghiep-cung-cap-dich-vu-trung-gian6554.html>, truy cập ngày 7/10/2022.

¹⁵ Khoản 2 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLTTDS năm 2015).

chức, cá nhân Việt Nam hoặc có trụ sở, nơi cư trú tại Việt Nam.

Như vậy, trong trường hợp nguyên đơn khởi kiện nhà điều hành nền tảng số để yêu cầu xoá bỏ các nội dung được đăng tải trên nền tảng bị coi là xâm phạm các quyền nhân thân, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại, Toà án Việt Nam sẽ có thẩm quyền giải quyết vụ việc nếu nhà điều hành nền tảng số cư trú, có trụ sở hoặc có tài sản tại Việt Nam¹⁶. Trong trường hợp nhà điều hành nền tảng số không cư trú, có trụ sở hoặc có tài sản tại Việt Nam, pháp luật Việt Nam không có quy định riêng biệt về thẩm quyền xét xử của Toà án Việt Nam đối với các yêu cầu về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; do đó, Toà án Việt Nam sẽ áp dụng quy định chung tại điểm đ khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015 để xác định thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế¹⁷. Theo đó, Toà án Việt Nam sẽ có thẩm quyền giải quyết vụ việc nếu “việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở Việt Nam”¹⁸. Tuy nhiên, đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền nhân thân, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số, yếu tố nào sẽ được xem xét để xác định “việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ” xảy ra ở Việt Nam? Liệu việc một cá nhân thực hiện đăng tải thông tin tại Việt Nam lên một nền tảng có máy chủ ở nước ngoài nhưng xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của một cá nhân tại Anh thì đây có được coi là vụ việc dân sự mà “việc xác lập,

thay đổi, chấm dứt quan hệ” xảy ra ở Việt Nam và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam? Tương tự, trường hợp một cá nhân thực hiện đăng tải thông tin tại Mỹ lên một nền tảng có máy chủ ở Mỹ nhưng xâm phạm danh dự, uy tín của một công dân Anh có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và thông tin này có thể được truy cập tại Việt Nam, liệu Toà án Việt Nam có thẩm quyền để giải quyết vụ việc?

Bên cạnh đó, theo điểm e khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015, Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài khi thoả mãn hai điều kiện: (i) Việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam và (ii) Vụ việc liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc có trụ sở, nơi cư trú tại Việt Nam. Về lý thuyết, quy định này sẽ cho phép các chủ thể là cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc có trụ sở, nơi cư trú tại Việt Nam bị xâm hại danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản hoặc quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số có thể dễ dàng khởi kiện nhà điều hành nền tảng số tại Toà án Việt Nam. Tuy nhiên, tương tự như với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015, yếu tố nào sẽ cần được xem xét để xác định “việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam”? Liệu đó là nơi xảy ra hành vi xâm phạm quyền nhân thân, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức hay đó là nơi có thiệt hại thực tế?

Ngoài ra, trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền nhân thân, tài sản hoặc quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện tại Việt Nam nhưng gây hậu quả tại nhiều quốc gia, liệu Toà án Việt Nam có thẩm quyền để giải quyết các yêu cầu buộc nhà điều hành nền

¹⁶ Điểm a, b, c khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015.

¹⁷ Trần Anh Tuấn (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb. Tư pháp, 2017, tr. 1006.

¹⁸ Điểm đ khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015.

tăng số có biện pháp chấm dứt, ngăn chặn hành vi xâm phạm diễn ra trên nền tảng đó hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại tại tất cả các quốc gia có thiệt hại xảy ra hay chỉ đối với các yêu cầu liên quan đến thiệt hại xảy ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam? Mặt khác, với các yêu cầu liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo pháp luật nước ngoài nhưng hành vi xâm phạm được thực hiện tại Việt Nam, liệu Toà án Việt Nam có thẩm quyền để giải quyết vụ việc?¹⁹

3. Xác định luật áp dụng đối với các tranh chấp liên quan đến trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số

Đối với các vụ việc liên quan đến trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số có yếu tố nước ngoài mà Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết, việc xác định luật áp dụng để giải quyết các vụ việc đó cũng gặp một số vướng mắc. Pháp luật Việt Nam không có quy định lựa chọn luật áp dụng riêng biệt đối với các vụ việc liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trên Internet nói chung cũng như các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín hay xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số nói riêng²⁰. Vì vậy, đối với các yêu cầu khởi kiện nền tảng số để bồi thường thiệt hại hoặc ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm

phạm này, Toà án Việt Nam sẽ phải áp dụng quy định chung tại Điều 679 hoặc Điều 687 Bộ luật Dân sự năm 2015²¹. Theo đó, đối với các vụ việc liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Toà án Việt Nam sẽ áp dụng nguyên tắc chung là luật của nước nơi đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được yêu cầu bảo hộ²². Đối với các vụ việc liên quan đến xâm phạm các quyền nhân thân khác như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, Toà án Việt Nam có thể áp dụng quy định chung về xác định luật áp dụng đối với quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại khoản 1 Điều 687 BLDS năm 2015. Theo đó, luật được áp dụng để giải quyết việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có thể là luật do các bên thoả thuận lựa chọn²³. Trong trường hợp các bên không có thoả thuận, luật của nước nơi phát sinh hậu quả của sự kiện gây thiệt hại sẽ được áp dụng²⁴. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định chung tại Điều 679 và Điều 687 BLDS năm 2015 để giải quyết các vụ việc liên quan đến trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số còn có nhiều điểm vướng mắc.

Thứ nhất, đối với các vụ việc liên quan đến xâm phạm danh dự, nhân phẩm trên nền tảng số, khi gặp khó khăn trong việc xác định người thực hiện hành vi xâm phạm, bên bị thiệt hại có thể yêu cầu nhà điều hành nền tảng số thực hiện các biện pháp chấm dứt hoặc ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền của mình. Trong trường hợp người bị thiệt hại cũng đồng thời là người sử dụng nền tảng số đó, liệu luật do các bên thoả thuận lựa chọn có thể được xác định trên cơ

¹⁹ Nguyễn Thu Thủy, *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số và một số vấn đề đặt ra đối với Tư pháp quốc tế Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Trường, *Pháp luật quốc tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, tháng 9/2022, tr. 50-60.

²⁰ Nguyễn Đức Việt, *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Tư pháp quốc tế dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Luật học, số 03/2019, tr.94-95.

²¹ Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLDS năm 2015).

²² Điều 679 BLDS năm 2015.

²³ Khoản 1 Điều 687 BLDS năm 2015.

²⁴ Khoản 1 Điều 687 BLDS năm 2015.

sở điều khoản lựa chọn luật áp dụng được ghi nhận trong điều kiện cung cấp dịch vụ mà nhà điều hành nền tảng số soạn sẵn khi người dùng đăng kí sử dụng hay các bên cần có thoả thuận riêng biệt về vấn đề này? Nếu người bị thiệt hại và nhà điều hành nền tảng số không có thoả thuận về lựa chọn luật áp dụng trước đó hoặc người bị thiệt hại không phải là người sử dụng nền tảng số, việc thoả thuận lựa chọn luật áp dụng giữa các bên cần được thể hiện như thế nào? Liệu các bên cần có một văn bản thoả thuận lựa chọn luật áp dụng riêng biệt về vấn đề này hay có thể căn cứ vào cơ sở pháp lý mà các bên viện dẫn trong đơn khởi kiện hoặc tài liệu chứng cứ liên quan?

Thứ hai, trên thực tế, sau khi thiệt hại đã phát sinh, rất khó để người bị thiệt hại và nhà điều hành nền tảng số có thể đạt được sự thống nhất về luật áp dụng để giải quyết vụ việc giữa các bên. Do đó, theo khoản 1 Điều 687 BLDS năm 2015 các yêu cầu liên quan đến bồi thường thiệt hại do bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín sẽ được giải quyết theo luật của nước nơi phát sinh hậu quả của sự kiện gây thiệt hại²⁵. Tuy nhiên, trên các nền tảng số, hành vi xâm phạm có thể được thực hiện tại bất kì nơi đâu và thông tin có thể được lan truyền tại tất cả các quốc gia mà người dùng có thể truy cập vào nền tảng đó²⁶. Trong những trường hợp này, đâu mới là nơi xảy ra hậu quả của hành vi gây thiệt hại để làm cơ sở xác định luật áp dụng giải quyết vụ việc? Với trường hợp hậu quả tồn tại ở nhiều quốc gia, Toà án Việt Nam sẽ áp dụng đồng thời luật của nhiều quốc gia khác nhau để

giải quyết hay sẽ chỉ lựa chọn luật của một quốc gia duy nhất?

Thứ ba, tương tự như hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của tổ chức, cá nhân trên Internet, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (đặc biệt là quyền tác giả và nhãn hiệu) cũng có thể được thực hiện tại một quốc gia và xâm phạm quyền được bảo hộ đồng thời tại nhiều quốc gia. Theo quy định tại Điều 679 BLDS năm 2015, quyền sở hữu trí tuệ được xác định theo pháp luật của nước nơi đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được yêu cầu bảo hộ. Vậy, nếu giải quyết vụ việc, liệu Toà án Việt Nam sẽ áp dụng luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia nơi đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được yêu cầu bảo hộ hay pháp luật của một quốc gia duy nhất để xác định trách nhiệm của nhà điều hành nền tảng số?

4. Một số gợi mở cho Việt Nam trong hoàn thiện quy định của Tư pháp quốc tế về trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số

Vấn đề quản lý và điều chỉnh quan hệ giữa các bên trên nền tảng số đang là một trong những vấn đề gây sự chú ý tại Việt Nam hiện nay. Đồng thời, nhu cầu giải quyết những yêu cầu ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hay quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số đã và đang trở nên ngày càng cấp thiết. Trong khi đó, như đã phân tích ở trên, nhiều câu hỏi của Tư pháp quốc tế về thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế của Toà án Việt Nam và xác định luật áp dụng để điều chỉnh các yêu cầu về trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số trong những trường hợp này đã phát sinh mà chưa có câu trả lời thoả đáng. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể

²⁵ Khoản 1 Điều 687 BLDS năm 2015.

²⁶ Nguyễn Đức Việt, *tlđd*, tr.94-95.

và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế nền tảng trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam cần sớm giải quyết những vướng mắc được đặt ra. Trong bối cảnh đó, chúng ta có thể tham khảo quy định pháp luật của các nước và khuyến nghị của các nhà nghiên cứu để tìm câu trả lời phù hợp với hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Về vấn đề thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế, pháp luật của nhiều quốc gia không chỉ dựa trên nguyên tắc chung là nơi cư trú hoặc có trụ sở của bị đơn mà còn có quy định riêng biệt về thẩm quyền của Tòa án đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó, đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Tòa án của quốc gia có thẩm quyền nếu hành vi/sự kiện gây thiệt hại hoặc thiệt hại thực tế xảy ra trên lãnh thổ của quốc gia đó. Quy định này được áp dụng tương tự đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín hay quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số và trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng số. Ví dụ, theo quy định của Nghị định Brussels I Recast, các nước thành viên của Liên minh châu Âu sẽ có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nếu bị đơn có nơi cư trú tại một trong các nước thành viên của Liên minh châu Âu²⁷ hoặc nơi có thiệt hại xảy ra hoặc có thể xảy ra đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng²⁸. Trong nhiều vụ

việc như *Shevill*²⁹ hay *e-Date*³⁰, Tòa án Công lý châu Âu (ECJ) đã phân tích quy định tại Điều 5(2) Nghị định Brussels I recasts để xác định thẩm quyền của Tòa án của các quốc gia thành viên. Trong vụ *Shevill*, ECJ đã khẳng định, Tòa án của các nước thành viên EU nơi xảy ra thiệt hại sẽ chỉ có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu liên quan đến thiệt hại xảy ra trên phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó³¹. Với trường hợp bị đơn cư trú tại một quốc gia thành viên EU, Tòa án của quốc gia nơi bị đơn cư trú sẽ có thẩm quyền giải quyết các yêu cầu về thiệt hại xảy ra tại quốc gia nơi bị đơn cư trú cũng như các quốc gia thành viên khác³². Tương tự, tại Nhật Bản, Bộ luật Tố tụng dân sự nước này cũng xác định thẩm quyền của Tòa án Nhật Bản đối với các vụ việc trên Internet mà bị đơn cư trú tại Nhật Bản hoặc hành vi gây thiệt hại hoặc hậu quả của hành vi gây thiệt hại xảy ra trên lãnh thổ Nhật Bản³³. Để xác định thiệt hại của các chủ thể trên nền tảng số được coi là xảy ra trên lãnh thổ Nhật Bản, Tòa án Nhật Bản đã thừa nhận khả năng truy cập vào nền tảng số đang được xem xét tại nước mình và định hướng đến thị trường Nhật Bản thông qua ngôn ngữ và

²⁷ Điều 4 (1) Nghị định số 1215/2012 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 12/12/2012 về thẩm quyền và công nhận, cho thi hành bản án về các vấn đề dân sự, thương mại (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Nghị định Brussels I Recast).

²⁸ Điều 5(2) Nghị định Brussels I Recast.

²⁹ Fiona Shevill, Ixora Trading Inc., *Chequepoint SARL and Chequepoint International Ltd v. Presse Alliance SA.*, ECJ C-68/93, <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A61993CJ0068>, truy cập ngày 07/10/2022 (sau đây gọi tắt là *Shevill case*).

³⁰ *eDate Advertising GmbH and Others v X and Société MGN LIMITED*, Joined Cases C-509/09 and C-161/10, <https://curia.europa.eu/juris/liste.jsf?num=C-509/09>, truy cập ngày 07/10/2022 (sau đây gọi tắt là *e-Date case*).

³¹ *Shevill case*, ECJ C-68/93.

³² *Shevill case*, tldd.

³³ Dai Yokomizo, *Digital platforms and conflict of laws*, Japanese Yearbook of International Law, Vol.64 (2021), tr. 205-206.

các yếu tố khác³⁴. Từ kinh nghiệm của các quốc gia này có thể thấy, về lâu dài, Việt Nam có thể cân nhắc bổ sung một điều khoản về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Trước mắt, chúng ta có thể áp dụng linh hoạt quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015 và xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo hướng Tòa án có thẩm quyền đối với các vụ việc mà hành vi xâm phạm hoặc hậu quả của hành vi xâm phạm xảy ra tại Việt Nam. Đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trên các nền tảng số, khả năng truy cập của nền tảng và ngôn ngữ được sử dụng (tiếng Việt) có thể là yếu tố để Tòa án Việt Nam xác định có thiệt hại xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam và Tòa án có thẩm quyền để giải quyết vụ việc³⁵.

Đối với các vụ việc mà thiệt hại xảy ra đồng thời tại Việt Nam và nước ngoài, đặc biệt với trường hợp của quyền sở hữu trí tuệ, thiết nghĩ Tòa án Việt Nam chỉ nên xác định mình có thẩm quyền để giải quyết các yêu cầu nhà điều hành nền tảng số bồi thường thiệt hại hay áp dụng các biện pháp xử lý hoặc ngăn chặn hành vi xâm phạm đối với tất cả các thiệt hại xảy ra khi nhà điều hành nền tảng số cư trú hoặc có trụ sở tại Việt Nam theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015. Với trường hợp nhà điều hành nền tảng số không cư trú hoặc có trụ sở tại Việt Nam, Tòa án Việt Nam chỉ nên giới hạn phạm vi thẩm quyền của mình đối với các thiệt hại xảy ra trên

lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015. Quy định này sẽ tạo sự thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân có nơi cư trú tại Việt Nam tiến hành khởi kiện tại Tòa án Việt Nam để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đặc biệt, với các yêu cầu liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên nền tảng số, Tòa án Việt Nam chỉ nên giới hạn thẩm quyền với các quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo pháp luật Việt Nam³⁶. Quy định này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc lãnh thổ của pháp luật sở hữu trí tuệ vốn được thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam³⁷. Bên cạnh đó, việc giới hạn phạm vi thẩm quyền của Tòa án Việt Nam sẽ giảm những gánh nặng của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ, tổng đạt giấy tờ, tài liệu, triệu tập đương sự hay áp dụng pháp luật nước ngoài để xác minh và giải quyết các vấn đề liên quan đến thiệt hại xảy ra ở một quốc gia khác, đảm bảo phù hợp với điều kiện về nguồn nhân lực hay ngân sách của Việt Nam hiện nay³⁸.

Về vấn đề xác định luật áp dụng để giải quyết các yêu cầu đối với nhà điều hành nền tảng số, Tòa án Việt Nam có thể chấp nhận điều khoản về luật áp dụng do nhà điều hành nền tảng đưa ra trong điều khoản về dịch vụ khi người sử dụng đăng kí dịch vụ là luật do các bên thoả thuận lựa chọn. Tuy nhiên, nhằm bảo vệ quyền lợi của người sử

³⁴ Supreme Court, Judgment, March 10, 2016, 70 Minshu (3) 846 [2016]; Tokyo District Court, Judgment, June 20, 2016, Dai Yokomizo, *tlđđ*, tr. 205-206.

³⁵ Nguyễn Thu Thủy, *tlđđ*, tr. 57-58.

³⁶ Nguyễn Thu Thủy, *tlđđ*.

³⁷ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb. Tư pháp, 2017, tr. 325; Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014, tr.184-185; Lê Hồng Hạnh, Đinh Thị Mai Phương (chủ biên), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, tr.30.

³⁸ Nguyễn Thu Thủy, *tlđđ*, tr.57-59.

dụng dịch vụ thường là bên yếu thế và hầu như không có cơ hội để thoả thuận khi đăng kí sử dụng dịch vụ, pháp luật Việt Nam có thể ghi nhận một trường hợp ngoại lệ, đó là trong trường hợp sau khi vụ tranh chấp phát sinh mà người bị thiệt hại không đồng ý áp dụng luật đã được nêu trong điều khoản về dịch vụ do nhà điều hành nền tảng số đưa ra thì luật do các bên ấn định sẽ không được áp dụng. Khi đó, Toà án sẽ áp dụng luật của nước nơi có hậu quả của sự kiện gây thiệt hại để giải quyết vụ việc.

Đối với trường hợp hậu quả của sự kiện gây thiệt hại xảy ra ở nhiều quốc gia mà Việt Nam là nơi mà nhà điều hành nền tảng số có nơi cư trú hoặc có trụ sở, Toà án Việt Nam sẽ đứng trước lựa chọn áp dụng luật của tất cả các quốc gia nơi mà hậu quả của sự kiện gây thiệt hại đã xảy ra để xác định trách nhiệm dân sự của nền tảng số hay sẽ áp dụng luật của một quốc gia duy nhất. Theo quan điểm của một nhà nghiên cứu, việc áp dụng pháp luật của tất cả các quốc gia như vậy là rất khó khả thi, thậm chí trở nên vô lí. Theo đó, việc áp dụng nhiều hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau để giải quyết vụ việc đồng nghĩa với việc xung đột pháp luật đã không được giải quyết. Mặt khác, việc áp dụng pháp luật của những nước khác nhau sẽ gây ảnh hưởng đến cả quyền lợi của bị đơn và nguyên đơn³⁹. Theo pháp luật Nhật Bản, đối với các vụ việc liên quan đến xâm phạm danh dự, nhân phẩm trên Internet mà hậu quả của vụ việc xảy ra ở nhiều nước khác nhau, luật của nước nơi thường trú của người bị thiệt

hại sẽ được áp dụng⁴⁰. Trong khi đó, với các vụ việc liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu hậu quả của sự kiện gây thiệt hại xuất hiện ở nhiều quốc gia khác nhau thì luật của mỗi quốc gia sẽ được áp dụng phù hợp với nguyên tắc *lex loci protectionis*⁴¹. Thiết nghĩ, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm này của Nhật Bản. Với các yêu cầu liên quan đến bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, đây là những thiệt hại không thể tách biệt; do đó, nên áp dụng luật của một quốc gia duy nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của người bị thiệt hại. Điều này cũng đảm bảo nền tảng số sẽ có thể áp dụng một biện pháp chung đối với các hành vi xâm phạm trên nền tảng đó tại tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, với các yêu cầu liên quan đến bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Việt Nam vẫn chỉ nên duy trì việc áp dụng nguyên tắc *lex loci protectionis* được ghi nhận tại Điều 679 BLDS năm 2015. Theo đó, Toà án Việt Nam sẽ xem xét trách nhiệm dân sự của nền tảng đối với các thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại từng quốc gia theo pháp luật của từng nước nơi đối tượng được bảo hộ. Điều này không chỉ đảm bảo phù hợp với nguyên tắc lãnh thổ và tính độc lập của quyền sở hữu trí tuệ vốn được thừa nhận rộng rãi mà còn đảm bảo những lợi ích chính trị - kinh tế được thể hiện trong pháp luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia được tôn trọng⁴².

³⁹ Magnus Ulrich, Mankowski, *Bruseel I Regulation*, European Commentaries on Private International Law, 2nd ed; Munchen Seillier European Law Publisher, 2012, tr. 243.

⁴⁰ Đạo luật về Nguyên tắc chung về pháp luật áp dụng năm 2006 của Nhật Bản, Điều 19, http://www.pilaj.jp/text/tsusokuho_e.html, truy cập ngày 07/10/2022.

⁴¹ Tokyo High Court, Judgment, May 30, 2001, H.J. (1797) 111 [2002]; Tokyo High Court, Judgment, May 28, 2003.

⁴² Dai Yokomizo, *tlld*, tr.223.